SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI
Trường THPT Nguyễn Trãi – Ba Đình

(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II
Môn: Sinh học 12
Năm học 2017 – 2018
Thời gian làm bài: 45 phút

Họ và tên: .....Số báo danh .....

Mã đề: 132

Câu 1: Trong một cái ao, kiểu quan hệ có thể xảy ra giữa hai loài cá có cùng nhu cầu thức ăn là
A. ký sinh. **B.** cạnh tranh.
C. vật ăn thịt – con mồi. **D.** ức chế cảm nhiễm.

Câu 2: Trong tự nhiên, khi kích thước của quần thể giảm dưới mức tối thiểu thì
A. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn tới diệt vong.
B. quần thể không thể rơi vào trạng thái suy giảm và không bị diệt vong.
C. khả năng sinh sản tăng do các cá thể đực, cái có nhiều cơ hội gặp nhau hơn.
D. quần thể luôn có khả năng tự điều chỉnh trở về trạng thái cân bằng.

Câu 3: Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố sinh thái
A. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật.
B. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.
C. vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật.
D. hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật.

Câu 4: Trạng thái cân bằng của quần thể là trạng thái số lượng cá thể ổn định do
A. sức sinh sản tăng, sự tử vong giảm. **B.** sức sinh sản giảm, sự tử vong tăng.
C. sự tương quan giữa tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử. **D.** sức sinh sản giảm, sự tử vong giảm.

Câu 5: Quan hệ giữa động vật ăn cỏ với vi khuẩn phân giải xelulôzơ thuộc quan hệ
A. cạnh tranh. **B.** hội sinh. **C.** cộng sinh. **D.** hợp tác.

Câu 6: Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm
A. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng , các nhân tố vật lý bao quanh sinh vật.
B. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng , các chất hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.
C. tất cả các nhân tố vật lý hoá học của môi trường xung quanh sinh vật.
D. đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật.

Câu 7: Khi nói về sự phân bố cá thể trong quần thể sinh vật, phát biểu nào sau đây không đúng?
A. Phân bố ngẫu nhiên thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường và không có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
B. Phân bố theo nhóm thường gặp khi điều kiện sống phân bố đồng đều trong môi trường, có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
C. Phân bố đồng đều có ý nghĩa làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể.
D. Phân bố theo nhóm là kiểu phân bố phổ biến nhất, giúp các cá thể hỗ trợ nhau chống lại điều kiện bất lợi của môi trường.

Câu 8: Quần thể là một tập hợp cá thể
A. cùng loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.
B. khác loài, sống trong 1 khoảng không gian xác định vào một thời điểm xác định.
C. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định.
D. cùng loài, cùng sống trong 1 khoảng không gian xác định, vào một thời điểm xác định, có khả năng sinh sản tạo thế hệ mới.

Câu 9: Kiểu phân bố nào thường gặp khi điều kiện sống phân bố một cách đồng đều?
A. Phân bố ngẫu nhiên. **B.** Phân bố đồng đều và phân bố ngẫu nhiên.
C. Phân bố theo nhóm. **D.** Phân bố đồng đều.

Câu 10: Nơi ở là
A. nơi cư trú của loài.

B. khoảng không gian sinh thái.
C. khu vực sinh sống của sinh vật.
D. nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật.

Câu 11: Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể này bị số lượng cá thể của quần thể khác kìm hãm là hiện tượng
A. khống chế sinh học.
B. cạnh tranh giữa các loài.
C. cạnh tranh cùng loài.
D. đấu tranh sinh tồn.

Câu 12: Mối quan hệ vật kí sinh – vật chủ và mối quan hệ vật dữ - con mồi giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?
A. Đều làm chết các cá thể của loài bị hại.
B. Loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.
C. Loài bị hại luôn có kích thước cá thể nhỏ hơn loài có lợi.
D. Đều là mối quan hệ đối kháng giữa hai loài.

Câu 13: Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể?
A. Tỉ lệ các nhóm tuổi.
B. Mật độ cá thể.
C. Tỉ lệ đực, cái.
D. Đa dạng loài.

Câu 14: Có mấy loại diễn thế sinh thái?
A. 2 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 3

Câu 15: Các cây tràm ở rừng U minh là loài
A. ưu thế.
B. có số lượng nhiều.
C. đặc trưng.
D. đặc biệt.

Câu 16: Trong các mối quan hệ sinh học giữa các loài sau đây, quan hệ nào là kiểu quan hệ cạnh tranh?
A. Chim ăn sâu và sâu ăn lá.
B. Mối và trùng roi sống trong ruột mối.
C. Lúa và cỏ dại trong cùng một ruộng lúa.
D. Lợn và giun đũa sống trong ruột lợn.

Câu 17: Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm
A. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.
B. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
D. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.

Câu 18: Hiện tượng khống chế sinh học có thể xảy ra giữa các quần thể
A. tôm và tép.
B. ếch đồng và chim sẻ.
C. cá rô phi và cá chép.
D. chim sâu và sâu đo.

Câu 19: Kiểu phân bố nào là phổ biến nhất trong tự nhiên?
A. Phân bố theo nhóm
B. Phân bố đồng đều
C. Phân bố ngẫu nhiên
D. Phân bố theo độ tuổi

Câu 20: Diễn thế nguyên sinh
A. thường dẫn tới một quần xã bị suy thoái.
B. xảy ra do hoạt động chặt cây, đốt rừng,... của con người.
C. khởi đầu từ môi trường đã có một quần xã tương đối ổn định.
D. khởi đầu từ môi trường chưa có sinh vật.

Câu 21: Quan hệ giữa giun sán với người thuộc quan hệ
A. cạnh tranh. **B.** cộng sinh. **C.** hợp tác. **D.** kí sinh.

Câu 22: Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của 4 loài A; B; C; D lần lượt là: 10 - 38,5^{0}C ; 10,6 - 32^{0}C ; 5 - 44^{0}C; 8 - 32^{0}C. Loài có khả năng phân bố rộng nhất và hẹp nhất là:
A. C và A **B.** C và D **C.** B và A **D.** C và B

Câu 23: Trong quần xã sinh vật, kiểu quan hệ giữa hai loài, trong đó một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không có hại là
A. quan hệ cộng sinh.
B. quan hệ vật chủ - vật kí sinh.

C. quan hệ hội sinh. **D.** quan hệ ức chế - cảm nhiễm.

Câu 24: Quan hệ giữa chim sáo với trâu thuộc quan hệ

A. hợp tác. **B.** cộng sinh. **C.** cạnh tranh. **D.** hội sinh.

Câu 25: Một số cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối với nhau (liền rễ). Hiện tượng này thể hiện mối quan hệ

A. hỗ trợ khác loài. **B.** cộng sinh.

C. cạnh tranh cùng loài. **D.** hỗ trợ cùng loài.

Câu 26: Những loài có giới hạn sinh thái hẹp đối với nhiều yếu tố sinh thái chúng có vùng phân bố

A. vừa phải. **B.** hẹp. **C.** rộng. **D.** hạn chế.

Câu 27: Đặc trưng nào có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể trong điều kiện môi trường thay đổi?

A. Tỉ lệ giới tính. **B.** Kích thước của quần thể.

C. Nhóm tuổi. **D.** Mật độ cá thể.

Câu 28: Quan hệ chặt chẽ giữa hai hay nhiều loài mà tất cả các loài tham gia đều có lợi là mối quan hệ

A. kí sinh. **B.** hội sinh. **C.** cộng sinh. **D.** ức chế - cảm nhiễm.

Câu 29: Trong cùng một thuỷ vực, người ta thường nuôi ghép các loài cá mè trắng, mè hoa, trắm cỏ, trắm đen, rô phi, cá chép để

A. tăng tính đa dạng sinh học trong ao.

B. thoả mãn nhu cầu thị hiếu khác nhau của người tiêu thụ.

C. thu được nhiều sản phẩm có giá trị khác nhau.

D. tận dụng tối đa nguồn thức ăn có trong ao.

Câu 30: Tập hợp sinh vật nào sau đây là quần thể sinh vật?

A. Những con tê giác một sừng sống trong Vườn Quốc gia Cát Tiên.

B. Những con cá sống trong Hồ Tây.

C. Những cây cỏ sống trên đồng cỏ Ba Vì.

D. Những con chim sống trong rừng Cúc Phương.

Câu 31: Trong mối quan hệ giữa một loài hoa và loài ong hút mật hoa đó thì

A. cả hai loài đều có lợi.

B. loài ong có lợi còn loài hoa không có lợi cũng không bị hại gì.

C. cả hai loài đều không có lợi cũng không bị hại.

D. loài ong có lợi còn loài hoa bị hại.

Câu 32: Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể này là

A. phân bố theo nhóm. **B.** phân bố đồng đều.

C. phân bố theo độ tuổi. **D.** phân bố ngẫu nhiên.

Câu 33: Một quần thể ếch đồng có số lượng cá thể tăng vào mùa mưa, giảm vào mùa khô. Đây là kiểu biến động

A. theo chu kì tuần trăng. **B.** không theo chu kì.

C. theo chu kì mùa. **D.** theo chu kì nhiều năm.

Câu 34: Những yếu tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng không phụ thuộc vào mật độ quần thể bị tác động là

A. yếu tố vô sinh. **B.** yếu tố hữu sinh.

C. các bệnh truyền nhiễm. **D.** nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng.

Câu 35: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sự tăng trưởng của quần thể?

A. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn nhỏ hơn mức tử vong.

B. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể luôn lớn hơn mức tử vong.

C. Khi môi trường bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

D. Khi môi trường không bị giới hạn, mức sinh sản của quần thể là tối đa, mức tử vong là tối thiểu.

Câu 36: Thú có túi sống phổ biến ở khắp châu Úc. Cừu được nhập vào châu Úc, thích ứng với môi trường sống mới dễ dàng và phát triển mạnh, giành lấy những nơi ở tốt, làm cho nơi ở của thú có túi phải thu hẹp lại. Quan hệ giữa cừu và thú có túi trong trường hợp này là mối quan hệ

A. ức chế - cảm nhiễm. **B.** hội sinh.

C. động vật ăn thịt và con mồi. **D.** cạnh tranh khác loài.

Câu 37: Một quần thể với cấu trúc 3 nhóm tuổi: trước sinh sản, đang sinh sản và sau sinh sản sẽ bị diệt vong khi mất đi nhóm

A. đang sinh sản. **B.** trước sinh sản.

C. đang sinh sản và sau sinh sản. **D.** trước sinh sản và đang sinh sản.

Câu 38: Hiện tượng nào sau đây phản ánh dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật không theo chu kì?

A. Ở đồng rêu phương Bắc, cứ 3 năm đến 4 năm, số lượng cáo lại tăng lên gấp 100 lần và sau đó lại giảm.

B. Ở Việt Nam, hàng năm vào thời gian thu hoạch lúa, ngô, … chim cu gáy thường xuất hiện nhiều.

C. Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng ếch nhái giảm vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8^0C.

D. Ở Việt Nam, vào mùa xuân khí hậu ấm áp, sâu hại thường xuất hiện nhiều.

Câu 39: Loài ưu thế là loài có vai trò quan trọng trong quần xã do

A. số lượng cá thể nhiều.

B. có khả năng tiêu diệt các loài khác.

C. sức sống mạnh, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

D. số lượng cá thể nhiều, sinh khối lớn, hoạt động mạnh.

Câu 40: Khi nói về mật độ cá thể của quần thể, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Khi mật độ cá thể của quần thể giảm, thức ăn dồi dào thì sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài giảm.

B. Khi mật độ cá thể của quần thể tăng quá cao, các cá thể cạnh tranh nhau gay gắt.

C. Mật độ cá thể của quần thể luôn cố định, không thay đổi theo thời gian và điều kiện sống của môi trường.

D. Mật độ cá thể có ảnh hưởng tới mức độ sử dụng nguồn sống trong môi trường.

---------- HẾT ----------